

Phụ lục IV

**CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ
XUẤT NHẬP KHẨU LANG SON**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 35 /BC-DLXNK

Lạng Sơn, ngày 05 tháng 04 năm 2024

**BÁO CÁO
Thường niên năm 2023**

Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4900101456
- Vốn điều lệ: 39.579.000.000,
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 39.579.000.000,
- Địa chỉ: Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, Phường Chi Lăng, Thành phố Lạng Sơn
- Số điện thoại: 0205 3 814 848
- Số fax:
- Website: www.tocolimexlangson.com
- Mã cổ phiếu (nếu có): DXL

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển: Ngày thành lập: 26/8/2005 theo quyết định của số 1710/QĐ-UBND-KT ngày 26/08/2005 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Lạng Sơn, về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn thành Công ty cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn (sau đây gọi tắt là Công ty). Công ty được Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4900101456, đăng ký lần đầu ngày 10/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12, ngày 11/03/2024.

- Các sự kiện khác:

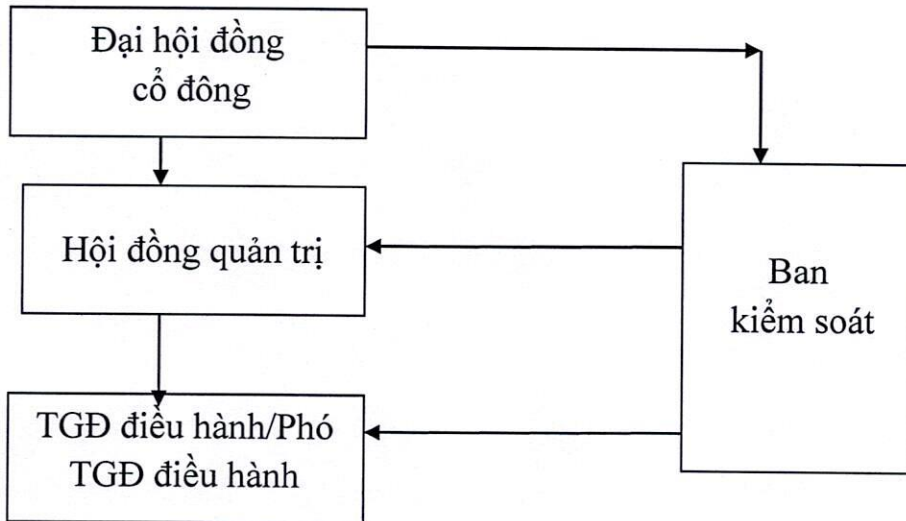
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống; Sản phẩm rượu Mẫu Sơn ...

- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:



- Cơ cấu bộ máy quản lý: Cơ cấu bộ máy quản lý được thực hiện và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, các luật liên quan và Điều lệ Công ty đã được sửa đổi bổ sung và ban hành theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

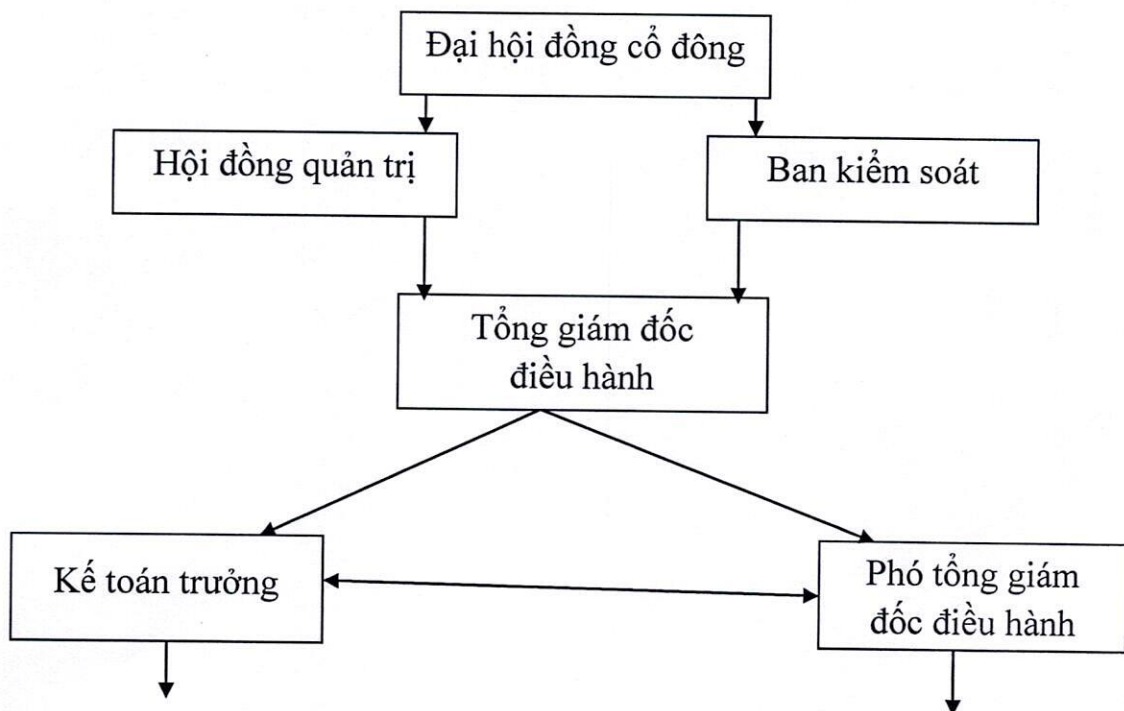
+ Đại hội cổ đông của Công ty là cơ quan cao nhất có thẩm quyền quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo luật định và Điều lệ Công ty.

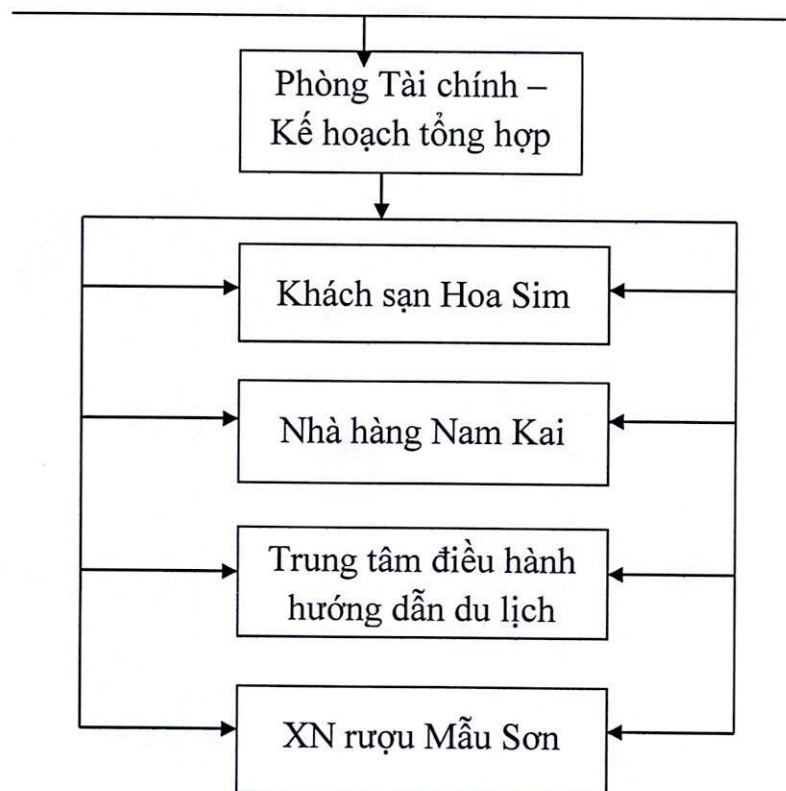
+ Hội đồng quản trị: Do Đại hội đồng cổ đông bầu và là Bộ phận quản lý của Công ty có quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề có liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc Đại hội cổ đông quyết định

+ Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.

+ Ban điều hành Công ty gồm: 01 Tổng giám đốc, 01 Phó tổng giám đốc và 01 Kế toán trưởng.

- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình như sau:





- Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Định hướng phát triển.

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Không ngừng đổi mới nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ, phục vụ, nghiên cứu và đưa ra thị trường các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường. Cùng cố và phát triển thương hiệu sản phẩm, uy tín và hình ảnh công ty. Nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển thị trường nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận, thu nhập cho CBCNV người lao động.

+ Quản lý khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của công ty.

+ Quan tâm hơn đến đời sống của CBCNV người lao động.

+ Thực hiện đầy đủ các quyền lợi của các cổ đông, tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tiếp nhận thông tin, đóng góp ý kiến, xây dựng công ty, duy trì và bảo toàn vốn cho các cổ đông.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Phát triển kinh doanh lĩnh vực khách sạn, nhà hàng, SXKD rượu Mẫu Sơn, du lịch dịch vụ lữ hành là mục tiêu hàng đầu của công ty. Công ty đầu tư để nâng cấp khách sạn khách sạn Hoa sim, nhà hàng Hoa Sim; Đầu tư máy móc, thiết bị, công nghệ, phát triển thêm các sản phẩm rượu Mẫu Sơn; Cùng cố đẩy mạnh thị trường du lịch nội địa và quốc tế, liên kết với các công ty lữ hành để đưa khách du lịch đi tham quan khám phá các nước Trung Quốc, Lào, Thái Lan, Campuchia, Singapore, Hàn Quốc, Mỹ ...

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Công ty tiếp tục tập trung phát triển các dịch vụ khách sạn- nhà hàng, du lịch và sản phẩm rượu Mẫu Sơn là những sản phẩm đã có thương hiệu của Công ty. Thực hiện bảo vệ môi trường bằng việc xử lý rác thải lỏng và rác thải rắn hàng ngày, không để tồn đọng, ủng hộ kinh phí bảo vệ môi trường của thành phố, tham gia các hoạt động cộng đồng, từ thiện trong khả năng của doanh nghiệp.

5. Các rủi ro: Đối với kinh doanh sản phẩm rượu là mặt hàng không khuyến khích nên thuế xuất cao, cấm sử dụng khi điều khiển phương tiện giao thông nên sản lượng tiêu thụ cũng giảm; đối

với mảng du lịch hiện nay trên thị trường cạnh tranh về giá, giá tour thấp các công ty du lịch nước ngoài ép giá các đơn vị lữ hành trong nước, hạ giá đối với công ty du lịch trong nước, hiệu quả kinh doanh thấp.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Lợi nhuận hoạt động kinh doanh năm 2023(sau thuế thu nhập doanh nghiệp): 437.111.034 đồng.

Năm 2023 Công ty thực hiện đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh, đề ra các giải pháp kích cầu thu hút khách hàng, khai thác các nguồn lực cơ sở vật chất hiện có của công ty hợp tác kinh doanh với hình thức công ty góp vốn bằng mặt bằng, đối tác thực hiện kinh doanh, hình khoán kinh doanh để tăng thu nhập cho công ty. Đối với mảng khách sạn đã đầu tư thang máy và các trang thiết bị phù hợp, mặc dù cơ sở kinh doanh cũ, đầu tư chưa đồng bộ nhưng đã được khách hàng đón nhận; mảng nhà hàng đã bổ sung thêm đầu bếp và đưa ra được các sản phẩm mới phục vụ khách hàng, khách hàng đánh giá tốt; mảng kinh doanh rượu Mẫu Sơn là đặc sản của địa phương được khách hàng đánh giá đạt chất lượng, trong năm Công ty đã đưa ra được một sản phẩm mới với loại rượu nhẹ 26⁰ được khách hàng đón nhận, tuy nhiên mảng kinh doanh rượu gặp nhiều khó khăn do quy định của Nhà nước khi tham gia giao thông không được uống rượu bia nên lượng rượu tiêu thụ giảm; mảng kinh doanh du lịch không có lợi nhuận do thiếu nhân sự, sau thời gian dài bị ảnh hưởng của dịch covid-19 nhân sự nghỉ việc không còn tâm huyết với nghề, công ty có tìm nhân sự thay thế bổ sung nhưng với hoạt động du lịch người lao động thích làm tự do, tự chủ đưa đón khách nên bộ máy nhân sự chủ chốt của Du lịch vẫn thiếu và yếu. Do hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn còn gặp nhiều khó khăn sau dịch bệnh, giá tour thấp, cạnh tranh về giá càng khốc liệt, hiệu quả kinh doanh thấp.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ lương, bảo hiểm cho người lao động theo quy định.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	TH năm 2022	KH 2023	TH năm 2023	% TH/KH
1	Doanh Thu	18.032.723.645	23.847.800.000	19.232.470.446	80,64%
2	Chi phí	17.523.354.276	22.847.800.000	19.218.558.524	84,11%
3	Lợi nhuận	509.369.369	1.000.000.000	437.111.034	43,71%

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành, tại thời điểm tháng 03/2024:

STT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Địa chỉ Thường trú	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết (%)
1	Nguyễn Kim Thảo	Nữ	1968	Số 77 Đường Ngô Quyền, Phường Vĩnh Trại, TP Lạng Sơn	Chủ tịch HĐQT, Phó tổng giám đốc điều hành	784.301	19,81
2	Đậu Trường Sinh	Nam	1974	Số 551, Đường Hùng Vương, Thôn Mai Thành, Xã Mai Phan, TP Lạng Sơn	Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành kiêm giám đốc KS Hoa Sim	558.042 CP	14,09
3	Vũ Mộng Nương	Nữ	1968	Số 36, Đường Lê Hồng Phong, P. Tam Thanh, TP Lạng Sơn	UV HĐQT (không điều hành)	162.897CP	4,11

4	Đỗ Thu Huyền	Nữ	1981	Số 7, Ngõ 2, đường Chu Văn An, P. Vĩnh Trại, TP Lạng Sơn	Trưởng ban kiểm soát	64.843 CP	1,63%
5	Bé Thị Thu Hương	Nữ	1979	Tổ 5, khối 8, Phường Đông Kinh, TP Lạng Sơn	Thành viên ban kiểm soát	500	0,01
6	Nguyễn Mai Thương	Nữ	1994	Số 1 Phùng Chí Kiên, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	Thành viên BKS	106.913CP	2,70%
7	Lê Văn Do	Nam	1974	Chi Mạc, Hoàng Đồng, TP Lạng Sơn	Kế toán trưởng kiêm TP Tài chính - KHTH	500	0,01

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không có

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số cán bộ nhân viên 42 người, việc làm của người lao động tương đối ổn định. Người lao động được ký hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp đầy đủ (trừ lao động là hưu trí thì được trả vào lương), người lao động được tạo điều kiện thuận lợi để tham gia các tổ chức Đảng, công đoàn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Công ty tiếp tục thực hiện dự án hợp tác kinh doanh với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thảo Viên dự án Khu dân cư khối 3, Phường Hoàng Văn Thụ, năm 2023 với số vốn góp 22.849.419.160đ. Hiện nay dự án đã hoàn thành các hạng mục hạ tầng, đang tiến hành thi công hạng mục xây thô 6 căn mặt đường Bà Triệu. Công ty đã giảm một phần vốn góp là 7.500.000.000đ, đến cuối năm 2023 số vốn góp còn: 15.349.160.000đ. Dự kiến chấm dứt hoạt động đầu tư góp vốn vào cuối năm 2024 khi dự án hoàn thành.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	% tăng/giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	44.788.837.667	44.605.682.108	0,41%
Doanh thu thuần	17.727.311.787	16.310.765.369	8,68%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	558.973.950	723.294.745	-22,71%
Lợi nhuận khác	1.487.869	8.217.314	-81,89%
Lợi nhuận trước thuế	559.073.398	668.691.781	-16,39%
Lợi nhuận sau thuế	437.111.034	509.369.369	-14,18%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	110,44	128,70	-14,18
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			

Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

- Các chỉ tiêu khác: Không

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	19.16	8.94	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/</u> Nợ ngắn hạn	17.62	6.39	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.04	0.03	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.04	0.03	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	5.04	3.61	
+ Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0.39	0.36	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.07	0.031	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.07	0.011	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản			
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	3.15	0.044	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Căn cứ Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán chốt ngày 22/12/2023 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và Báo cáo mua, bán cổ phần của người nội bộ, người có liên quan và cổ đông lớn năm 2023 và báo cáo của cổ đông đến tháng 03/2024, Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu đến tháng 03/2024 cụ thể như sau:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 3.957.900 CP.
- + Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 3.949.570 CP.
- + Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 8.330 CP.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông lớn: 05 cổ đông, nắm giữ 3.390.536 CP chiếm 85,47%
- Cổ đông nhỏ: 118 cổ đông, nắm giữ 712.364 CP chiếm 14,33%

- Cổ đông tổ chức: 02 cổ đông, nắm giữ 73.760 CP chiếm 1,87%
- Cổ đông cá nhân: 121 cổ đông, nắm giữ 3.884.140 CP chiếm 98,13%
- Cổ đông trong nước: 121 cổ đông, nắm giữ 3.884.140 CP chiếm 98,13%
- Cổ đông nước ngoài: 02 cổ đông, nắm giữ 73.760 CP chiếm 1,87%
- Cổ đông nhà nước: Không
- Cổ đông khác: không

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Năm 2010 chào bán cổ phiếu ra công chúng, số lượng phát hành 268.900 CP, trị giá 2.689.000.000 đồng, đối tượng chào bán: cán bộ nhân viên người lao động của công ty, đơn vị cấp Ủy ban chứng khoán Nhà nước

- Năm 2018 chào bán cổ phiếu riêng lẻ, số lượng cổ phiếu phát hành 1.000.000 CP, giá trị 10.000.000.000 đồng, đối tượng chào bán: Bà Nguyễn Thị Tú Oanh, đơn vị cấp Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường

Công ty CP du lịch và XNK Lạng Sơn không phát thải khí nhà kính.

Hàng năm các đơn vị chi nhánh sản xuất của công ty đều được công ty môi trường đến kiểm tra, đo mức độ ô nhiễm môi trường ở khu vực hoạt động và đều được đánh giá an toàn, không xảy ra vi phạm.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính: Tổng lượng rượu Mẫu sơn sử dụng để đóng bình: 16.543 lít, Tổng số bình dùng để đóng rượu: 50.497 bình.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính: Không có

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Năng lượng sử dụng chủ yếu là điện thấp sáng, sử dụng điều hòa và các quạt thông gió, quạt điện, bếp từ, tổng số tiền điện là 529.564.000 đồng.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nguồn nước công ty sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh do Công ty cấp thoát nước Lạng Sơn cung cấp. Tổng số tiền nước dùng trong năm: 83.200.000 đồng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Tổng số lao động của công ty đến thời điểm tháng 03/2024 là: 42 người, mức lương trung bình đạt 5.300.000 đồng/người.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Công ty thực hiện đúng các quy định của Bộ luật lao động về lao động, tiền lương, việc làm và các chế độ chính sách đối với người lao động, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động. Người lao động được công ty đóng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp. Người lao động trực tiếp được khám sức khỏe định kỳ một năm 01 một lần. Các chế độ phúc lợi của người lao động được thực hiện như thăm hỏi khi ốm đau, gia đình gặp khó khăn. Trong năm Công ty phối hợp với công đoàn cơ sở tổ chức cho CBNV – người lao động đi tham quan học tập kinh nghiệm, trải nghiệm nhân dịp ngày quốc tế phụ nữ 08/3 và ngày phụ nữ Việt Nam 20/10.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

Công ty thường xuyên thực hiện đào tạo tại chỗ đối với lao động trực tiếp, người lao động được đào tạo tại chỗ 06 ngày/năm

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Các cán bộ chủ chốt của công ty được cử đi tập huấn kỹ năng nghề nghiệp về quản lý điều hành để phục vụ cho công việc.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty tham gia công tác xã hội và các hoạt động cộng đồng, gồm các hoạt động như: Ủng hộ kinh phí lắp đặt đèn điện chiếu sáng tuyến đường nông thôn mới; ủng hộ xây dựng đường kiểm tra cột mốc biên giới, đóng góp kinh phí xây dựng trụ sở công an xã tại Huyện Bắc Sơn, tặng học bổng các cháu tại xã công sơn (04 cháu đang học đại học), ủng hộ hội thi Bí thư chi bộ giỏi của Cụm doanh nghiệp, ủng hộ đại hội liên đoàn LĐTP Lạng sơn nhiệm kỳ 2023-2028, ủng hộ đại hội hiệp hội du lịch tỉnh, Ủng hộ quỹ Mái ấm công đoàn, ủng hộ quỹ phòng chống lụt bão. Tổng số tiền ủng hộ: 63.500.000đ.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty: Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn hoạt động đa ngành nghề, nhưng các lĩnh vực chính đang thực hiện kinh doanh là dịch vụ khách sạn – nhà hàng, du lịch lữ hành, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm rượu Mầu Sơn v.v... Ban giám đốc điều hành công ty việc triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2023 được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 đến toàn thể công ty. Công ty đã thực hiện cải tạo đầu tư một số hạng mục nhỏ như đầu tư thanh máy cho khách sạn và đầu tư trang thiết bị cho khách sạn khác sạn để đáp ứng nhu cầu khách hàng, sửa chữa nhà kho cũ nâng cấp cơ sở vật chất lấy mặt bằng để hợp tác kinh doanh với đối tác khách hàng bằng hình thức khoán kinh doanh đem lại doanh thu cho công ty; đối với mảng nhà hàng nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng

phục vụ, đưa ra các món ăn cả Việt Nam và Trung Quốc để phục vụ khách hành, tăng cường các dịch vụ cổ cưới, hội nghị nên kinh doanh cũng khả quan. Về kinh doanh rượu Mẫu Sơn đã được khẳng định sản phẩm đạt chất lượng và có uy tín trên thị trường, trong năm Xí nghiệp rượu đã nghiên cứu và đưa một sản phẩm mới ra thị trường là loại rượu thấp độ 26⁰ và được khách hàng đánh giá tương đối tốt, tuy nhiên vì rượu là hàng hóa đặc biệt không khuyến khích tiêu thụ và nhà nước có chính sách đã uống rượu bia không lái xe và thời nồng độ cồn nên trong năm lượng rượu tiêu thụ không cao. Về mảng du lịch do ảnh hưởng từ đại dịch covid-19 nhân sự giảm và Giám đốc trung tâm xin nghỉ việc không còn tâm huyết với nghề, công ty đã tìm nhân sự thay thế, tuy nhiên thị trường lao động tại Lạng Sơn thiếu, quản lý du lịch đòi hỏi trình độ cao nên chưa tìm được nhân sự, hoạt động kinh doanh của du lịch diễn ra cầm chừng không cạnh tranh được với những người làm du lịch tự do, đầu tháng 03 năm 2024 công ty mới quyết định phân công Tổng giám đốc công ty kiêm Giám đốc trung tâm du lịch và đang từ bước khôi phục hoạt động du lịch, đồng thời công ty cấp vốn để Trung tâm du lịch hoạt động

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: Không có

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản: Tổng tài sản năm 2023 là 44.788.837.667 đồng (*Bốn mươi bốn tỷ bảy trăm tám mươi tám triệu tám trăm ba bảy nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng*).

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2023	2022	Chênh lệch
1	Tài sản ngắn hạn	36.532	36.471	
	Trong đó:			
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	13.419	7.746	
	- Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
	- Các khoản phải thu ngắn hạn	20.036	25.197	
	- Hàng tồn kho	2.930	3.380	
	- Tài sản ngắn hạn khác	146	146	
2	Tài sản dài hạn	8.256	8.134	
	Trong đó			
	- Phải thu dài hạn	0	0	
	- Tài sản cố định	4.986	5.518	
	- Tài sản dở dang dài hạn	635	635	
	- Tài sản đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
	- Tài sản dài hạn	2.634	1.980	
	Tổng tài sản	44.788	44.605	

Tổng tài sản năm 2023 tăng nhẹ so với năm 2022: Do tài sản dài hạn tăng.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Nợ phải trả của công ty tại thời điểm 31/12/2023 là 1.906.577.788 đồng (*Một tỷ chín trăm linh sáu triệu năm trăm bảy bảy nghìn bảy trăm tám tám đồng*), trong đó nợ ngắn hạn 1.906.577.788 đồng, nợ dài hạn không có. Không có nợ xấu.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: không có.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Năm 2023 Công ty không có thay đổi về tổ chức, chính sách và quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Công ty có kế hoạch nâng cấp khách sạn, nhà hàng và đầu tư nghiên cứu một số sản phẩm mới về rượu Mầu Sơn và mở rộng thị trường du lịch sang một số nước châu á.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn.

Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn giải trình ý kiến ngoại trừ Báo cáo tài chính năm 2023 như sau:

- Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

"Dựa trên số kế toán của năm 2023 và tháng 01 năm 2024 được Công ty cung cấp, chúng tôi nhận thấy, ngày 30 tháng 05 năm 2023, Công ty TNHH Thảo Viên thanh toán tiền hợp tác đầu tư cho Công ty là 7,5 tỷ VND qua tài khoản ngân hàng, cùng ngày này Công ty đã hạch toán giảm 7,5 tỷ VND trên tài khoản tiền gửi ngân hàng và hạch toán tăng tài khoản tiền mặt giá trị tương ứng. Ngày 28 tháng 12 năm 2023, Công ty đã hạch toán tăng trên tài khoản tiền gửi ngân hàng, đồng thời giảm tài khoản tiền mặt với giá trị 7,5 tỷ VND, sau đó gửi tiết kiệm 01 tháng vào ngày 29 tháng 12 năm 2023. Ngày 02 tháng 01 năm 2024, Công ty hạch toán giảm 7,5 tỷ VND trên tài khoản tiền gửi ngân hàng, đồng thời hạch toán tăng tài khoản tiền mặt giá trị tương ứng. Ngày 26 tháng 01 năm 2024, Công ty TNHH Thảo Viên thanh toán tiền lãi hợp tác đầu tư cho Công ty là 1.475.742.614 VND qua tài khoản ngân hàng, đồng thời ngày 30 tháng 01 năm 2024, Công ty đã hạch toán giảm 1,5 tỷ VND trên tài khoản ngân hàng và hạch toán tăng tài khoản tiền mặt giá trị tương ứng. Bằng những thông tin cung cấp từ Công ty, chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của các giao dịch nêu trên đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty".

"Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các báo cáo kiểm kê hàng tồn kho tại ngày 31/12/2022 của Công ty. Do đó, chúng tôi không thể xác định được sự hiện hữu của hàng tồn kho và liệu có cần điều chỉnh liên quan đến hàng tồn kho và các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty hay không".

- Giải trình lý do:

Năm 2023 Công ty vẫn tiếp tục gặp những khó khăn do ảnh hưởng nền kinh tế toàn cầu, lãi suất tiền gửi tiết kiệm ngân hàng hạ thấp, khoản tiền 7,5 tỷ VNĐ và khoản tiền 1,5 tỷ VNĐ Công ty rút về quỹ tiền mặt. Trong năm 2023 Công ty cần một lượng tiền mặt lớn để nhập nguyên liệu rượu của bà con xã Công Sơn, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn để gia công lại sản xuất rượu cao độ, phát triển sản phẩm mới. Phương án phát triển sản phẩm mới đang thực hiện, hiện tại tiền vẫn nằm tại quỹ của Công ty.

Hàng hóa tồn kho với số lượng lớn đã lâu và vận chuyển qua nhiều kho khác nhau, kho chứa hàng hóa không chuyên dụng, là nhà cấp 4 cũ từ những năm 1999, cơ sở vật chất xuống cấp không được cải tạo, sửa chữa dẫn tới tường bị đổ làm cho hàng hóa bị vỡ dẫn đến thiếu hụt. Chênh lệch phát sinh từ tháng 04 năm 2017, Giám đốc cũ đột tử, kế toán thay đổi, không có công tác bàn giao, kế tiếp đó giám đốc mới chỉ nhận số liệu trên sổ sách do số lượng hàng hóa lớn đã tồn kho lâu năm không kiểm đếm thực tế được.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: (tiêu thụ nước, năng lượng, rác thải...)

Công ty thực hiện kinh doanh chính là khách sạn, nhà hàng, sản xuất sản phẩm rượu Mầu Sơn từ nguyên liệu thu mua của bà con Xã Công Sơn, những ngành nghề dịch vụ yêu cầu vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm được đưa lên hàng đầu nên công ty rất chú trọng và thực hiện

tốt. Định kỳ các cơ quan chức năng đến đo đạc về chỉ số an toàn môi trường nơi làm việc và đều đạt kết quả tốt. Công ty thực hiện thu gom rác thải và để đúng nơi quy định. Trong năm công ty không bị xử phạt vi phạm môi trường.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Chế độ của người lao động được Công ty thực hiện đúng các quy định của Bộ luật lao động năm 2019 và Luật bảo hiểm xã hội. Các chế độ về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ phép, nghỉ lễ tết, tiền lương, lao động đều được công ty đóng các chế độ như BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm TNL-BNN. Người lao động có việc làm và thu nhập ổn định, chế độ và lương thưởng đều thực hiện đúng quy định. Người lao động được tạo điều kiện tham gia tổ chức đảng, tổ chức công đoàn. Người lao động được thăm hỏi khi ốm đau cả vật chất lẫn tinh thần, Công ty phối hợp với Công đoàn cơ sở tổ chức cho người lao động đi tham quan học tập kinh nghiệm, trải nghiệm nhân dịp ngày quốc tế phụ nữ 8/3 và ngày phụ nữ Việt Nam 20/10 ... tổ chức cho con em cán bộ vui tết thiếu nhi 1/6, tết trung thu ...

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty tham gia công tác xã hội và các hoạt động cộng đồng, gồm các hoạt động như:

Ứng hộ kinh phí lắp đặt đèn điện chiếu sáng tuyến đường nông thôn mới; ứng hộ xây dựng đường kiểm tra cột mốc biên giới, đóng góp kinh phí xây dựng trụ sở công an xã tại Huyện Bắc Sơn, tặng học bổng các cháu tại xã công sơn (04 cháu đang học đại học), ứng hộ hội thi Bí thư chi bộ giỏi của Cụm doanh nghiệp, ứng hộ đại hội liên đoàn LĐTP Lạng sơn nhiệm kỳ 2023-2028, ứng hộ đại hội hiệp hội du lịch tỉnh, Ứng hộ quỹ Mái ấm công đoàn, ứng hộ quỹ phòng chống lụt bão. Tổng số tiền ứng hộ: 63.500.000đ.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

- Về nhân sự: Không thay đổi

- Về sản xuất kinh doanh: Công ty đã đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh khách sạn, nhà hàng, rượu Mẫu Sơn, đồng thời cũng đầu tư sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động kinh doanh, tìm đối tác hợp tác kinh doanh phù hợp với tình hình của công ty. Tuy nhiên vì cơ sở vật chất đã cũ, lạc hậu chưa đáp ứng được nhu cầu của khách hàng nên doanh thu đạt chưa cao.

- Về trách nhiệm đối với môi trường và xã hội: Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, rác thải đều được thu gom xử lý đúng quy định, trong năm không bị xử lý vi phạm về môi trường. Đối với công tác xã hội Công ty tham gia các hoạt động cộng đồng, từ thiện do địa phương tổ chức và vẫn duy trì việc trao học bổng cho con em xã Công Sơn thi đỗ và đang học đại học tại các trường đại học trong cả nước đến hết năm 2023. Tổng số tiền đóng góp cho các hoạt động cộng đồng là: 63.500.000đ đồng...

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Năm 2023 Ban giám đốc điều hành công ty đã tổ chức điều hành hoạt động của Công ty đúng quy định của Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp. Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT. Chủ động đưa ra các giải pháp để cùng Trưởng các chi nhánh triển khai, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, chủ động tìm đối tác kinh doanh để tăng doanh thu cho công ty. Tuy nhiên vì cơ sở vật chất đã cũ, lạc hậu mặc dù có đầu tư nâng cấp nhưng không đồng bộ nên chưa thu hút được những khách hàng VIP, chủ yếu khách bình dân, mảng nhân sự của Trung tâm du lịch chưa quyết liệt khắc phục dẫn đến hoạt động kinh doanh bị ngừng trệ. Về chế độ đối với người lao động Công ty thực hiện tốt các chế độ cho người lao động, không nợ đọng ngân sách, đóng đầy đủ các chế độ cho người lao động, đã quan tâm đào tạo nhân sự và tuyển đầu bếp cho nhà hàng, tập thể cán bộ nhân viên người lao động đoàn kết, gắn bó.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Tổ chức các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị hoặc họp bất thường để đưa ra các chiến lược định hướng phát triển công ty. Hàng quý đánh giá hoạt động điều hành của Ban giám đốc và các chi nhánh trực thuộc để kịp thời đưa ra các định hướng kinh doanh phù hợp, hoàn thành tốt kế hoạch đề ra

Thực hiện đúng chế độ thông tin báo cáo, thông tin minh bạch, công khai tình hình quản trị công ty cho các cổ đông, cho nhà đầu tư và các cơ quan chức năng, đảm bảo lợi ích cao nhất của cổ đông.

Chỉ đạo, giám sát Ban giám đốc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024, thực hiện chính sách tiết kiệm, giảm chi phí không phù hợp.

Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh lao động. Giữ gìn môi trường Xanh – Sạch – Đẹp; tham gia các hoạt động cộng đồng và xã hội do địa phương tổ chức.

Nghiên cứu thị trường xây dựng phương án đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất chi nhánh KS Hoa Sim vào thời điểm tích hợp để trình đại hội đồng cổ đông thông qua.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Thành viên hội đồng quản trị tại thời điểm 31/12/2023 và đến thời điểm báo cáo:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Kim Thảo	Chủ tịch HĐQT	784.301	19,81	- Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty TNHH Thảo Viên; Giám đốc Công ty CP đầu tư và thương mại Thảo Linh Lạng Sơn - Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn
2	Đậu Trường Sinh	Ủy viên HĐQT	558.042 CP	14,09	Tổng Giám đốc Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn
3	Vũ Mộng Nương	Ủy viên HĐQT	162.897CP	4,11%	Thành viên không điều hành (Thành viên HĐQT của công ty TNHH Thảo Viên)

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ thành tháng, quý theo đúng quy định của Điều lệ Công ty. Các cuộc họp đều do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, thảo luận đảm bảo tính nghiêm túc và trách nhiệm. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp đầy đủ và có tính trách nhiệm cao. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành đúng chức năng, quyền hạn phù hợp với nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và đúng quy định của pháp luật.

Năm 2023 Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 11 cuộc họp, các cuộc họp đều lập thành biên bản và ban hành nghị quyết, quyết định để chỉ đạo các nội dung thuộc chức trách và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị để triển khai thực hiện chiến lược kinh doanh của Công ty, đồng thời đánh giá sát hoạt động của Ban tổng giám đốc.

Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Ngày	Nội dung	Số Nghị quyết/Quyết định
1	01/01/2023	Biên bản họp v/v xem xét ra hạn hợp đồng hợp tác với Công ty TNHH Thảo Viên.	01/BB-HĐQT
2	16/01/2023	Nghị quyết v/v tình hình hoạt động kinh doanh năm 2022; triển khai nhiệm vụ năm 2023.	02/NQ-HĐQT
3	06/4/2023	Biên bản họp chuẩn bị đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	03/BB-HĐQT
4	06/4/2023	Nghị quyết v/v tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	04/NQ-HĐQT
5	06/4/2023	Quyết định thành lập Ban tổ chức đại hội, ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	05/QĐ-HĐQT
6	15/05/2023	Biên bản thông qua các nội dung trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	06/BB-HĐQT
7	15/5/2023	Nghị quyết v/v Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	07/NQ-HĐQT
8	23/7/2023	Biên bản họp v/v xem xét nhân sự tại Nhà hàng Nam Kai	13/BB-HĐQT
9	28/8/2023	Biên bản họp v/v tạm ngừng hoạt động kinh doanh NH Nam Kai	15/BB-HĐQT
10	28/8/2023	Nghị quyết v/v tạm ngừng hoạt động kinh doanh NH Nam Kai	16/NQ-HĐQT
11	28/9/2023	BB họp về giải quyết cán bộ xin chấp dứt hợp đồng lao động và xem xét nhân sự bổ nhiệm Giám đốc Xí nghiệp rượu Mẫu Sơn	17/BB-HĐQT
12	08/10/2023	BB họp xem xét nhân sự bổ nhiệm Giám đốc KS Hoa Sim và thôi kiêm nhiệm GD khách sạn Hoa Sim	18/BB-HĐQT
13	02/11/2023	BB họp v/v chi cổ tức năm 2022 cho Cổ đông	19/BB-HĐQT
14	02/11/2023	Nghị quyết v/v chi cổ tức năm 2022 cho cổ đông	20/NQ-HĐQT
15	15/11/2023	BB họp v/v xem xét thành lập địa điểm kinh doanh của hàng rượu Mẫu Sơn và bổ sung ngành nghề kinh doanh của XN Rượu	21/BB-HĐQT
16	15/11/2023	Nghị quyết thành lập địa điểm kinh doanh của hàng rượu Mẫu Sơn thuộc Xí nghiệp rượu Mẫu Sơn-CN Cty CP du lịch và XNK Lạng Sơn	22/NQ-HĐQT
17	15/11/2023	Nghị quyết v/v bổ sung ngành nghề của Xí nghiệp rượu Mẫu Sơn	23/NQ-HĐQT
18	15/11/2023	Quyết định thành lập địa điểm kinh doanh Cửa hàng Rượu Mẫu Sơn thuộc Xí nghiệp rượu Mẫu Sơn	24/QĐ-HĐQT
19	09/12/2023	BB họp phê duyệt kết quả xét xếp loại lao động năm 2023, thi đua khen thưởng và ký hợp đồng lao động, tiền lương	24a/BB-HĐQT
20	23/12/2023	BB họp xét ra hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Thảo Viên.	25/BB-HĐQT
21	21/12/2023	Nghị quyết v/v Ra hạn Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Thảo Viên.	26/NQ-HĐQT

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết(%)	Ghi chú
1	Đỗ Thu Huyền	Trưởng ban kiểm soát	64.843	1,63	
2	Bé Thị Thu Hương	Ủy viên ban kiểm soát	500	0,01	
3	Nguyễn Mai Thương	Ủy viên ban kiểm soát	106.913	2,7	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Năm 2023 Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của Ban theo quy định như:

- Giám sát tình hình hoạt động của Công ty CP du lịch và XNK Lạng Sơn. Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các chức trách, nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động quản trị, điều hành và các mặt hoạt động kinh doanh của Tổng giám đốc Công ty, cụ thể:

+ Giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị.

+ Giám sát công tác quản trị và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc.

+ Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán được thực hiện bởi Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam.

+ Đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản lý tài chính, đầu tư, điều hành kinh doanh và tổ chức hạch toán kế toán đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

- Trong năm Ban Kiểm Soát đã tổ chức 02 cuộc họp, bao gồm thẩm định báo cáo tài chính năm 2022, thông qua dự thảo Báo cáo của Ban kiểm soát trình đại hội thường niên năm 2023; giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và giám sát quản lý điều hành của Ban giám đốc. Ban kiểm soát được tham gia đầy đủ các cuộc họp cùng Hội đồng quản trị (như nêu tại mục c.1.V)

Ban kiểm soát hoạt động đúng quy định của Điều lệ công ty và quy định của pháp luật.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích đến thời điểm 31/12/2022:

T T	Họ và tên	Chức danh	Lương và các khoản phụ cấp	Thưởng	Thù lao	Lợi ích	Cộng
1	Nguyễn Kim Thảo	Chủ tịch HĐQT kiêm phó tổng giám đốc	205.261.540	7.000.000	0	0	212.261.540
2	Đậu Trường Sinh	UV HĐQT, Phó tổng giám đốc, thư ký công ty, kiêm giám đốc KS Hoa Sim	232.622.216	8.000.000			240.622.216
3	Vũ Mộng Nương	Ủy viên HĐQT	30.000.000				30.000.000
4	Đỗ Thu Huyền	Ủy viên BKS	21.600.000				21.600.000
5	Bé Thị Thu Hương	Ủy viên BKS	107.484.617	1.500.000			108.984.617
6	Nguyễn Mai Thương	Ủy viên BKS	18.000.000				18.000.000

7	Lê Văn Do	Kế toán trưởng kiểm trưởng phòng TCKT	146.968.370	7.000.000			153.968.370
Tổng cộng			761.936.743	23.500.0000	0	0	785.436.743

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, người có liên quan, cổ đông lớn:

Trong năm 2023 cổ đông nội bộ, người có liên quan, cổ đông lớn hiện giao dịch mua, bán cổ phần như sau:

STT	Người thực hiện giao dịch	Người nội bộ/người có liên quan	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Đậu Trường Sinh	Người nội bộ	450.042	11,37	558.042	14,09	Mua CP

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

e) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện chế độ thông tin báo cáo cơ quan chức năng định kỳ hoặc đột xuất, thực hiện công bố thông tin bất thường, định kỳ trên trang điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và trên trang điện tử của Công ty đúng quy định.

VI. Báo cáo tài chính

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Dựa trên sổ kế toán của năm 2023 và tháng 01 năm 2024 được Công ty cung cấp, chúng tôi nhận thấy, ngày 30 tháng 05 năm 2023, Công ty TNHH Thảo Viên thanh toán tiền hợp tác đầu tư cho Công ty là 7,5 tỷ VND qua tài khoản ngân hàng, cùng ngày này Công ty đã hạch toán giảm 7,5 tỷ VND trên tài khoản tiền gửi ngân hàng và hạch toán tăng tài khoản tiền mặt giá trị tương ứng. Ngày 28 tháng 12 năm 2023, Công ty đã hạch toán tăng trên tài khoản tiền gửi ngân hàng, đồng thời giảm tài khoản tiền mặt với giá trị 7,5 tỷ VND, sau đó gửi tiết kiệm 01 tháng vào ngày 29 tháng 12 năm 2023. Ngày 02 tháng 01 năm 2024, Công ty hạch toán giảm 7,5 tỷ VND trên tài khoản tiền gửi ngân hàng, đồng thời hạch toán tăng tài khoản tiền mặt giá trị tương ứng. Ngày 26 tháng 01 năm 2024, Công ty TNHH Thảo Viên thanh toán tiền lãi hợp tác đầu tư cho Công ty là 1.475.742.614 VND qua tài khoản ngân hàng, đồng thời ngày 30 tháng 01 năm 2024, Công ty đã hạch toán giảm 1,5 tỷ VND trên tài khoản ngân hàng và hạch toán tăng tài khoản tiền mặt giá trị tương ứng. Bằng những thông tin cung cấp từ Công ty, chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của các giao dịch nêu trên đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các báo cáo kiểm kê hàng tồn kho tại ngày 31/12/2022 của Công ty. Do đó, chúng tôi không thể xác định được sự hiện hữu của hàng tồn kho và liệu có cần điều chỉnh liên quan đến hàng tồn kho và các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp

với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 8 - Phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại đó Công ty trình bày thông tin về khoản phải thu Công ty TNHH Thảo Viên (Bên liên quan). Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán số 2103.01-23/BC-TC/VAE đề ngày 21 tháng 03 năm 2023 đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần. Một số chỉ tiêu được điều chỉnh hồi tố và trình bày lại chi tiết tại Thuyết minh số 29 – Phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

Nguyễn Đức Tiến

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2023-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Thị Huyền

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3652-2021-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		36.532.787.356	36.471.132.811
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	13.419.162.771	7.746.815.962
1. Tiền	111		13.419.162.771	2.746.815.962
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.036.816.217	25.197.127.999
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	967.750.994	918.496.580
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	70.602.000	34.650.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	869.253.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	18.129.210.223	24.251.406.419
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(7.425.000)
III. Hàng tồn kho	140	9	2.930.518.867	3.380.899.349
1. Hàng tồn kho	141		2.930.518.867	3.380.899.349
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		146.289.501	146.289.501
1. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	153	15	146.289.501	146.289.501
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.256.050.311	8.134.549.297
I. Tài sản cố định	220		4.986.321.132	5.518.135.014
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	4.986.321.132	5.518.135.014
- Nguyên giá	222		26.605.592.005	25.918.644.885
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.619.270.873)	(20.400.509.871)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		97.500.000	97.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(97.500.000)	(97.500.000)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		635.490.455	635.490.455
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	635.490.455	635.490.455
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.634.238.724	1.980.923.828
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.634.238.724	1.980.923.828
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		44.788.837.667	44.605.682.108

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN(TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.906.577.788	1.565.326.445
I. Nợ ngắn hạn	310		1.906.577.788	1.535.326.445
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	412.719.440	20.535.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		63.252.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	452.552.688	369.768.468
4. Phải trả người lao động	314		90.844.955	164.226.462
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	16	217.424.243	106.666.667
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	224.734.871	461.880.257
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	16.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		445.049.591	396.249.591
II. Nợ dài hạn	330		-	30.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	-	30.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		42.882.259.879	43.040.355.663
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	42.882.259.879	43.040.355.663
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		39.579.000.000	39.579.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.579.000.000	39.579.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.395.147.734	3.395.147.734
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(91.887.855)	66.207.929
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(528.998.889)	(443.161.440)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		437.111.034	509.369.369
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		44.788.837.667	44.605.682.108



Lê Văn Do
Người lập biểu

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2024



Lê Văn Do
Kế toán trưởng



Đậu Trường Sinh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	17.727.311.787	16.310.765.369
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		17.727.311.787	16.310.765.369
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	14.780.095.741	14.124.462.511
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.947.216.046	2.186.302.858
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.503.670.790	1.713.740.962
6. Chi phí bán hàng	25	23	884.615.271	874.162.090
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	3.007.297.615	2.302.486.985
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 25 - 26)	30		558.973.950	723.394.745
9. Thu nhập khác	31		1.487.869	8.217.314
10. Chi phí khác	32		1.388.421	62.920.278
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		99.448	(54.702.964)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		559.073.398	668.691.781
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	121.962.364	159.322.412
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		437.111.034	509.369.369
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	110,44	128,70




Lê Văn Do
Người lập biểu

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2024



Lê Văn Do
Kế toán trưởng



Đậu Trường Sinh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu kh:	01	18.820.366.615	17.030.352.804
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(13.425.174.605)	(10.357.334.492)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.122.007.719)	(3.955.089.152)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(102.498.432)	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.259.291.657	4.059.899.200
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5.058.096.885)	(5.506.067.727)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(628.119.369)	1.271.760.632
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(869.253.000)	-
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	7.500.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.928.176	21.191.395
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.658.675.176	21.191.395
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	136.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(16.000.000)	(175.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(342.208.998)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(358.208.998)	(39.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	5.672.346.809	1.253.952.027
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.746.815.962	6.492.863.935
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	13.419.162.771	7.746.815.962



Lê Văn Do
Người lập biểu

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2024



Lê Văn Do
Kế toán trưởng



Đậu Trường Sinh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4900101456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 10 tháng 03 năm 2006, thay đổi lần thứ 12 ngày 11 tháng 03 năm 2024.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 12 thì vốn điều lệ của công ty là 39.579.000.000 VND.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông trên Sàn Giao dịch Chứng khoán UPCOM với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là DXL, số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 3.957.900 cổ phiếu.

Trụ sở Công ty tại: Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 54 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 43 người)

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực Nhà hàng, khách sạn; Dịch vụ Du lịch lữ hành; Sản xuất rượu.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi trường lao động, việc làm;
- Bán buôn thực phẩm.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện theo thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Trung tâm điều hành hướng dẫn du lịch	Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Khách sạn Hoa Sim	Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Xí nghiệp Rượu Mẫu Sơn	Số 88 đường Bắc Sơn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Nhà hàng Nam Kai	Số 53 Lương Văn Chi, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác. Một số chỉ tiêu được điều chỉnh hồi tố và trình bày lại chi tiết tại Thuyết minh số 29 - Phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

Đối với tài sản và nợ phải trả, Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản

tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại; Đối với hoạt động kinh doanh thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chương trình phần mềm

Nguyên giá của phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính từ thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa: Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của các mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các mối quan hệ đó.

Danh sách Bên liên quan của Công ty là:

Bên liên quan

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc
Công ty TNHH Thảo Viên

Mối quan hệ

Ban lãnh đạo Công ty
Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty là
Giám đốc của Công ty TNHH Thảo Viên

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.447.629.436	1.560.529.357
Tiền gửi ngân hàng	9.971.533.335	1.186.286.605
Các khoản tương đương tiền	-	5.000.000.000
Cộng	13.419.162.771	7.746.815.962

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng khác	967.750.994	-	918.096.580	(7.425.000)
Sở lao động thương binh xã hội tỉnh Lạng Sơn	230.085.000	-	138.945.000	-
Hội chữ thập đỏ Lạng Sơn	58.400.000	-	-	-
Bệnh viện đa khoa tỉnh Lạng Sơn	47.920.000	-	27.834.000	-
Bệnh viện y học cổ truyền Lạng Sơn	42.000.000	-	17.640.000	-
Sở giáo dục đào tạo tỉnh Lạng Sơn	18.626.000	-	96.865.000	-
Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn	-	-	64.800.000	-
Sở văn hoá thể thao và du lịch tỉnh Lạng Sơn	-	-	106.060.000	-
Công ty Cổ phần Quảng cáo RED Việt Nam	-	-	24.750.000	(7.425.000)
Các đối tượng khác	570.719.994	-	441.202.580	-
b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan	-	-	400.000	-
Công ty TNHH Thảo Viên	-	-	400.000	-
Cộng	967.750.994	-	918.496.580	(7.425.000)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư du lịch Eurowindow Nha Trang	40.602.000	-
Đối tượng khác	30.000.000	34.650.000
Cộng	70.602.000	34.650.000

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Bà Đỗ Thu Vân	869.253.000	-
Cộng	869.253.000	-

Hợp đồng cho vay tiền ngày 30 tháng 09 năm 2023, số tiền 869.253.000 VND, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 5%.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	1.304.048.449	1.401.987.259
Phải thu khác	865.909.451	981.987.259
(Thuế tiêu thụ đặc biệt nguyên vật liệu rượu đầu vào)		
Phải thu khác	18.138.998	-
Ký cược, ký quỹ (i)	420.000.000	420.000.000
b) Phải thu ngắn hạn là biên liên quan	16.825.161.774	22.849.419.160
Công ty TNHH Thảo Viên (ii)	16.825.161.774	22.849.419.160
Cộng	18.129.210.223	24.251.406.419

Ghi chú:

- Ký quỹ hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn, số tiền 420.000.000 VND, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,4%/năm.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 35/HĐHTKD ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn và Công ty TNHH Thảo Viên về việc xây dựng dự án khu dân cư khối 3, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn; thời gian hợp tác là 2 năm từ ngày 31 tháng 12 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022; lợi nhuận cố định là 8%/năm không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án.

Ngày 23 tháng 12 năm 2023, hai bên đã ký Phụ lục hợp đồng số 14/HĐHTKD gia hạn thời gian góp vốn đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm khoản tiền đầu tư gốc và lợi nhuận mà Công ty TNHH Thảo Viên phải thanh toán cho Công ty.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.425.617.409	-	2.896.217.166	-
Thành phẩm	462.178.078	-	411.286.867	-
Hàng hoá	42.723.380	-	73.395.316	-
Cộng	2.930.518.867	-	3.380.899.349	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.604.369.237	1.316.588.165
Chi phí sửa chữa	1.029.869.488	664.335.663
Cộng	<u>2.634.238.725</u>	<u>1.980.923.828</u>

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày đầu năm	20.782.267.729	3.115.212.146	1.911.165.010	110.000.000	25.918.644.885
Tăng trong năm	-	686.947.120	-	-	686.947.120
Tại ngày cuối năm	<u>20.782.267.729</u>	<u>3.802.159.266</u>	<u>1.911.165.010</u>	<u>110.000.000</u>	<u>26.605.592.005</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					
Tại ngày đầu năm	16.579.827.490	2.481.771.136	1.228.911.245	110.000.000	20.400.509.871
Khấu hao trong năm	758.652.822	238.046.812	222.061.368	-	1.218.761.002
Tại ngày cuối năm	<u>17.338.480.312</u>	<u>2.719.817.948</u>	<u>1.450.972.613</u>	<u>110.000.000</u>	<u>21.619.270.873</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	<u>4.202.440.239</u>	<u>633.441.010</u>	<u>682.253.765</u>	<u>-</u>	<u>5.518.135.014</u>
Tại ngày cuối năm	<u>3.443.787.417</u>	<u>1.082.341.318</u>	<u>460.192.397</u>	<u>-</u>	<u>4.986.321.132</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 9.112.427.881 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 8.406.378.513 VND).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày đầu năm	<u>97.500.000</u>	<u>97.500.000</u>
Tại ngày cuối năm	<u>97.500.000</u>	<u>97.500.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ		
Tại ngày đầu năm	<u>97.500.000</u>	<u>97.500.000</u>
Tại ngày cuối năm	<u>97.500.000</u>	<u>97.500.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	<u>-</u>	<u>-</u>
Tại ngày cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 97.500.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 97.500.000 VND)

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công trình xây dựng khách sạn Hoa Sim (i)	635.490.455	635.490.455
Cộng	635.490.455	635.490.455

Ghi chú:

- (i) Bao gồm các chi phí tư vấn, thiết kế, khảo sát kiểm định chất lượng,... cho Công trình xây dựng khách sạn Hoa Sim. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 12/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 06 năm 2023 về việc thông qua chủ trương đầu tư khách sạn Hoa Sim, do đó lùi thời gian đầu tư xây dựng khách sạn Hoa Sim, giao cho Hội đồng Quản trị tiếp tục theo dõi và nghiên cứu tình hình kinh tế, thị trường để trình Đại hội đồng cổ đông trong thời gian tới.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Hà Thị Quỳnh	79.867.000	79.867.000	-	-
La Văn Truyền	59.997.000	59.997.000	-	-
Hoàng Thị Vệ	54.371.500	54.371.500	-	-
Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường	-	-	20.535.000	20.535.000
Các đối tượng khác	218.483.940	218.483.940	-	-
Cộng	412.719.440	412.719.440	20.535.000	20.535.000

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm (Trình bày lại)	Số phải nộp/thu trong năm	Số đã nộp/thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	304.738.375	1.134.358.501	1.107.937.419	331.159.457
Thuế tiêu thụ đặc biệt	51.590.969	427.747.891	416.560.625	62.778.235
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.628.432	121.962.364	102.498.432	32.092.364
Thuế thu nhập cá nhân	810.692	29.138.695	3.426.755	26.522.632
Các loại thuế khác	-	21.428.876	21.428.876	-
Cộng	369.768.468	1.734.636.327	1.651.852.107	452.552.688
b) Các khoản phải thu				
Thuế đất, tiền thuê đất	146.289.501	565.794.171	565.794.171	146.289.501
Cộng	146.289.501	565.794.171	565.794.171	146.289.501

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Doanh thu cho thuê địa điểm kinh doanh	217.424.243	106.666.667
Cộng	217.424.243	106.666.667

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác	224.734.871	461.880.257
Kinh phí công đoàn	117.000	117.000
Bảo hiểm xã hội	5.581.180	3.619.480
Phải trả khác	189.036.691	458.143.777
Nhận ký cược, ký quỹ	30.000.000	-
b,) Phải trả dài hạn khác	-	30.000.000
Nhận ký cược, ký quỹ	-	30.000.000
Cộng	224.734.871	491.880.257

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại)	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày đầu năm trước	39.579.000.000	(443.161.440)	3.395.147.734	42.530.986.294
Lợi nhuận trong năm	-	509.369.369	-	509.369.369
Số dư tại ngày đầu năm nay	39.579.000.000	66.207.929	3.395.147.734	43.040.355.663
Lợi nhuận trong năm	-	437.111.034	-	437.111.034
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(50.000.000)	-	(50.000.000)
Trích quỹ Ban điều hành quản lý Công ty (i)	-	(50.000.000)	-	(50.000.000)
Cổ tức trả cho chủ sở hữu (i)	-	(495.206.818)	-	(495.206.818)
Số dư tại ngày cuối năm nay	39.579.000.000	(91.887.855)	3.395.147.734	42.882.259.879

Ghi chú:

- (i) Theo Nghị quyết số 12/NQ/ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 06 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2022 như sau:
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi: 50.000.000 VND
 - Trích lập quỹ thưởng Ban điều hành quản lý Công ty: 50.000.000 VND
 - Chia cổ tức: 495.206.818 VND

Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông số tiền là 342.208.998 VND.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 31/12/2022	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Nguyễn Kim Thảo	7.843.010.000	20%	-	0%
Nguyễn Thị Tú Oanh	10.000.000.000	25%	10.000.000.000	25%
Nguyễn Văn Thanh	7.031.930.000	18%	7.031.930.000	18%
Đậu Trường Sinh	4.500.420.000	11%	4.500.420.000	11%
Công ty TNHH Thảo Viên	-	0%	7.843.010.000	20%
Các cổ đông khác	10.203.640.000	26%	10.203.640.000	26%
Cộng	39.579.000.000	100%	39.579.000.000	100%

c) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.957.900	3.957.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.957.900	3.957.900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.957.900	3.957.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.957.900	3.957.900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.957.900	3.957.900
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	836.145.848	1.084.540.938
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.891.165.939	15.226.224.431
Cộng	17.727.311.787	16.310.765.369

20. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	1.155.691.798	926.791.576
Giá vốn dịch vụ cung cấp	13.624.403.943	13.197.670.935
Cộng	14.780.095.741	14.124.462.511

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.349.514.629	8.109.643.072
Chi phí nhân công	4.031.678.050	4.112.169.986
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.218.761.002	1.467.016.623
Chi phí dự phòng	90.082.927	(18.930.278)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.167.678.923	1.716.923.922
Chi phí bằng tiền khác	1.511.995.805	1.514.863.344
Cộng	18.369.711.336	16.901.686.669

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	27.928.176	21.191.395
Doanh thu từ hợp tác kinh doanh	1.475.742.614	1.692.549.567
Cộng	1.503.670.790	1.713.740.962

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	240.147.743	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	599.296.152	869.200.137
Chi phí bằng tiền khác	45.171.376	4.961.953
Cộng	884.615.271	874.162.090
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	1.666.594.554	1.123.202.805
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	147.550.157	62.086.727
Chi phí khấu hao tài sản cố định	222.061.368	222.061.368
Chi phí thuế, phí lệ phí	84.479.047	115.307.582
Chi phí dự phòng	17.325.000	5.555.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	736.517.314	685.532.503
Chi phí bằng tiền khác	132.770.175	88.741.000
Cộng	3.007.297.615	2.302.486.985

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	559.073.398	668.691.781
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.388.417	127.920.277
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>1.388.417</i>	<i>127.920.277</i>
Thu nhập chịu thuế	560.461.815	796.612.058
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	112.092.364	159.322.412
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	9.870.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	121.962.364	159.322.412

Ngoài các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được trừ trên, Công ty xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể với cơ sở tính thuế. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	437.111.034	509.369.369
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi và ban điều hành	-	(100.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu cổ đông	437.111.034	409.369.369
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.957.900	3.957.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	110,44	103,43

Công ty chưa trích quỹ khen thưởng phúc lợi trên lợi nhuận của năm 2023.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại do Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 12/NQ/ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 06 năm 2023. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trước trình bày lại là 128,70.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài Thuyết minh số 5 và 8, trong năm Công ty còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	215.085.450	222.749.825
Công ty TNHH Thảo Viên	215.085.450	222.749.825
Thu tiền từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	236.594.000	244.610.000
Công ty TNHH Thảo Viên	236.594.000	244.610.000
Thu tiền từ hoạt động hợp tác đầu tư	7.500.000.000	-
Công ty TNHH Thảo Viên	7.500.000.000	-
Thu nhập của các thành viên chủ chốt	645.076.926	619.446.155
Lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý	353.246.156	344.096.155
Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị	96.000.000	96.000.000
Thù lao của các thành viên Ban kiểm soát	57.600.000	49.600.000
Lương của Kế toán trưởng	138.230.770	129.750.000

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	341.342.171	455.007.123

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	487.631.672	341.342.171
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.950.526.688	1.950.526.688
Từ năm thứ năm trở đi	5.842.219.679	6.329.851.351
Cộng	2.438.158.360	2.291.868.859

Chi phí thuê hoạt động thể hiện chi phí thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn như sau:

- (i) Công ty được thuê đất tại đường Lương Văn Tri, đường Bắc Sơn, đường Thân Công Tài và Vị trí 2, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn; thời hạn thuê đất là 30 năm (từ ngày 18 tháng 05 năm 2021 đến ngày 18 tháng 05 năm 2023); mục đích sử dụng đất thuê là Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh nhà hàng ăn uống).

- (ii) Công ty được thuê diện tích trên đường Trần Đăng Ninh, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn; với thời hạn thuê đất là 30 năm kể từ ngày 30 tháng 08 năm 1999; mục đích sử dụng đất thuê là Xây dựng cơ sở giao dịch, kinh doanh.
- (iii) Công ty được thuê đất tại đường Trần Hưng Đạo, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; với thời hạn thuê đất là 50 năm (từ ngày 25 tháng 10 năm 2005 đến ngày 25 tháng 10 năm 2055); mục đích sử dụng đất thuê là Đất thương mại, dịch vụ (Kinh doanh khách sạn).

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hoá lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hoá số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày ở Thuyết minh số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	-	16.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(13.419.162.771)	(7.746.815.962)
Nợ thuần	(13.419.162.771)	(7.730.815.962)
Vốn chủ sở hữu	42.882.259.879	43.040.355.663
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.419.162.771	7.746.815.962
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.096.961.217	25.162.477.999
Cộng	32.516.123.988	32.909.293.961
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	16.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	637.454.311	512.415.257
Cộng	637.454.311	528.415.257

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về lãi suất của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Cộng VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.419.162.771	-	13.419.162.771
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.096.961.217	-	19.096.961.217
Cộng	32.516.123.988	-	32.516.123.988
Số cuối năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	637.454.311	-	637.454.311
Cộng	637.454.311	-	637.454.311
Chênh lệch thanh khoản thuần	31.878.669.677	-	31.878.669.677
	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Cộng VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.746.815.962	-	7.746.815.962
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.162.477.999	-	25.162.477.999
Cộng	32.909.293.961	-	32.909.293.961
Số đầu năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	482.415.257	30.000.000	512.415.257
Các khoản vay	16.000.000	-	16.000.000
Cộng	498.415.257	30.000.000	528.415.257
Chênh lệch thanh khoản thuần	32.410.878.704	(30.000.000)	32.380.878.704

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác. Một số chỉ tiêu được điều chỉnh hồi tố và trình bày lại chi tiết như sau:

Khoản mục	Mã số	Số đã báo cáo	Trình bày lại	Số sau trình bày lại	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Phải thu ngắn hạn khác	136	981.987.259	23.269.419.160	24.251.406.419	(i)
Phải thu dài hạn khác	216	23.269.419.160	(23.269.419.160)	-	(i)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	595.206.818	528.998.889	66.207.929	(ii)

Ghi chú:

- (i) phân loại lại khoản phải thu ngắn hạn khác với Công ty TNHH Thảo Viên và khoản cầm cố ký quỹ, ký cược.
(ii) Xử lý chênh lệch thiếu hàng tồn kho đã phát sinh từ năm 2017.



Lê Văn Do
Người lập biểu
Lạng Sơn, ngày 25 tháng 03 năm 2024



Lê Văn Do
Kế toán trưởng





Đặng Trường Sinh
Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC

